

5. KHOA SINH HỌC – CÔNG NGHỆ SINH HỌC

I. CÁC KẾT QUẢ KHẢO SÁT LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN VỊ

1. Về hoạt động khảo sát

- **Đối tượng khảo sát:** Sinh viên đánh giá môn học, giảng viên; Sinh viên năm cuối; Cựu sinh viên; Giảng viên giảng dạy các CTĐT của khoa; Doanh nghiệp.

- **Đơn vị thực hiện khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

- **Đơn vị tổng hợp kết quả khảo sát:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

2. Tóm tắt các kết quả khảo sát

a) Đánh giá của giảng viên về chương trình đào tạo

STT	Nội dung khảo sát	Sinh học-CNSH	
		Tỉ lệ hài lòng (%)	ĐTB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	81.97	3.97
2	Về CDR của CTĐT	77.05	3.92
3	Về chất lượng đào tạo của trường	78.69	3.9
4	Về cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ dạy và học	40.98	3.33
5	Về công tác thư viện	80.33	4
6	Về công tác tổ chức đào tạo	88.52	4.15
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	91.8	4.36
8	Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)	83.61	4.08
9	Về công tác đối ngoại	77.05	3.92
10	Về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng	60.66	3.67
11	Về công tác hành chính cấp trường	75.41	3.84
12	Về công tác hành chính cấp khoa	81.97	4.07

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn giảng viên hài lòng với các nội dung liên quan đến công tác tổ chức đào tạo, khảo thí, nghiên cứu khoa học và hoạt động thư viện. Trong đó, nội dung “Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng” đạt tỉ lệ hài lòng cao nhất (91,8%) với điểm trung bình 4,36/5; tiếp theo là “Công tác tổ chức đào tạo” (88,52%; 4,15/5 điểm) và “Công tác nghiên cứu khoa học” (83,61%; 4,08/5 điểm). Điều này phản ánh hiệu quả tích cực trong công tác quản lý đào tạo và hỗ trợ học thuật tại đơn vị.

Bên cạnh đó, các nội dung liên quan đến CTĐT, CDR và chất lượng đào tạo chung của trường được đánh giá ở mức khá, với tỉ lệ hài lòng dao động từ 77,05% đến 81,97% và điểm trung bình từ 3,90 - 3,97/5. Các hoạt động hành chính cấp khoa và cấp trường cũng ghi nhận mức độ hài lòng tương đối, cho thấy sự ổn định trong công tác hỗ trợ và điều hành.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra một số nội dung còn hạn chế, cần được cải tiến. Đáng chú ý nhất là cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, với tỉ lệ hài lòng thấp nhất (40,98%) và điểm trung

bình chỉ đạt 3,33/5. Ngoài ra, nội dung về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng cũng có tỉ lệ hài lòng thấp (60,66%) và điểm trung bình 3,67/5, cho thấy hoạt động này chưa đáp ứng đầy đủ kỳ vọng của giảng viên.

Từ các kết quả nêu trên, có thể nhận định rằng giảng viên đánh giá cao các yếu tố học thuật và công tác chuyên môn của khoa, đồng thời kỳ vọng đơn vị sẽ tiếp tục cải thiện điều kiện cơ sở vật chất và tăng cường hơn nữa các hoạt động gắn kết cộng đồng để nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện.

b) Đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của Khoa Sinh học – CNSH

TT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ hài lòng %	Điểm trung bình
1	Về kiến thức chuyên môn	83.33	4.17
2	Về sự thích ứng với công việc	83.33	4.33
3	Về trách nhiệm và sự cầu tiến	83.33	4.33
4	Về sự chấp hành nội quy/quy định	83.33	4.33
5	Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	83.33	4.17
6	Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	66.67	3.83
7	Về kỹ năng làm việc nhóm	83.33	4
8	Về kỹ năng giải quyết vấn đề	83.33	4.17
9	Đánh giá chung về mức độ hài lòng đối với các nhân sự được trường đào tạo	83.33	4.17

Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp đánh giá khá tích cực về năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên do Khoa Sinh học – Công nghệ Sinh học đào tạo. Hầu hết các nội dung khảo sát đều đạt tỉ lệ hài lòng cao (83,33%) với điểm trung bình dao động từ 4,00 đến 4,33/5. Cụ thể, các nội dung như “Sự thích ứng với công việc”, “Trách nhiệm và sự cầu tiến”, “Chấp hành nội quy/quy định” đạt điểm trung bình cao nhất (4,33), thể hiện sự ghi nhận của doanh nghiệp về tinh thần làm việc và thái độ chuyên nghiệp của sinh viên.

Bên cạnh đó, các kỹ năng như “Giải quyết vấn đề”, “Làm việc nhóm”, “Sử dụng ngoại ngữ” và “Kiến thức chuyên môn” cũng được đánh giá tốt với điểm trung bình từ 4,00 đến 4,17/5. Đặc biệt, mức độ hài lòng chung đối với nhân sự do khoa đào tạo đạt tỉ lệ 83,33%, cho thấy sinh viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Tuy nhiên, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin là nội dung có tỉ lệ hài lòng thấp nhất (66,67%) và điểm trung bình chỉ đạt 3,83/5. Điều này cho thấy vẫn còn khoảng trống trong việc trang bị và thực hành các kỹ năng công nghệ cho sinh viên, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số đang là xu hướng tất yếu trong doanh nghiệp.

Từ các kết quả trên, có thể nhận định rằng CTĐT của khoa đã đáp ứng tương đối tốt yêu cầu từ phía nhà tuyển dụng, đặc biệt về kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc và thái độ nghề nghiệp. Tuy nhiên, cần có giải pháp cụ thể để tăng cường đào tạo và thực hành các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực toàn diện cho sinh viên sau tốt nghiệp.

c) Đánh giá của Cựu sinh viên về chất lượng đào tạo của Khoa Sinh học – CNSH

TT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ hài lòng trung bình %	
		Sinh học	CNSH
1	Về các kiến thức được trang bị ở nhà trường	80.38	74
2	Về các kỹ năng đã được học ở trường	72.15	69.50
3	Về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của cá nhân	43.67	35.50
4	Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của cá nhân	64.56	58
5	Về kỹ năng giải quyết vấn đề của cá nhân	74.68	61
6	Về kỹ năng làm việc nhóm của cá nhân	83.54	74
7	Về CSVC phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu của trường	53.80	45
8	Về CDR của trường	70.89	65
9	Về năng lực và PP giảng dạy của đội ngũ giảng viên	76.58	78.50
10	Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của trường	75.32	74
11	Về sự thích ứng giữa chuyên môn được đào tạo với công việc hiện tại	62.77	53.21
12	Đánh giá chung về mức độ hài lòng với công việc hiện tại	72.26	67.95

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn cựu sinh viên ngành Sinh học (SH) và Công nghệ Sinh học (CNSH) đều hài lòng với chất lượng đào tạo của Khoa, đặc biệt ở các nội dung về kiến thức chuyên môn và đội ngũ giảng viên. Cụ thể, tỉ lệ hài lòng về kiến thức được trang bị đạt mức cao (80,38% với SH và 74% với CNSH), trong khi năng lực và phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng được đánh giá tích cực (76,58% – SH; 78,5% – CNSH).

Cựu sinh viên cũng bày tỏ sự hài lòng với CDR của CTĐT (70,89% – SH; 65% – CNSH) và mức độ phù hợp giữa chuyên môn được đào tạo với công việc hiện tại (62,77% – SH; 53,21% – CNSH). Mức độ hài lòng chung với công việc hiện tại đạt trên 67% ở cả hai ngành, cho thấy CTĐT có tác động tương đối tốt đến sự nghiệp sau tốt nghiệp.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng phản ánh một số điểm hạn chế. Tỉ lệ hài lòng về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của cá nhân còn thấp (43,67% – SH; 35,5% – CNSH), tương tự với kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (64,56% – SH; 58% – CNSH). Đây là hai kỹ năng nền quan trọng cần được tăng cường trong CTĐT. Ngoài ra, cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu cũng chưa được đánh giá cao (53,8% – SH; 45% – CNSH), phản ánh nhu cầu cải thiện về điều kiện học tập và thực hành.

Tóm lại, cựu sinh viên ghi nhận nhiều mặt tích cực trong quá trình học tập tại khoa, đặc biệt về nội dung chuyên môn và chất lượng giảng viên. Tuy nhiên, Khoa cần có biện pháp cụ thể nhằm cải thiện kỹ năng bổ trợ và điều kiện cơ sở vật chất, giúp nâng cao năng lực toàn diện cho sinh viên đáp ứng tốt hơn yêu cầu thị trường lao động.

d) Đánh giá của sv năm cuối về hoạt động đào tạo của trường (đánh giá khóa học)

TT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ hài lòng %	ĐTB
1	Về chương trình đào tạo (CTĐT)	79.43	3.97
2	Về CDR của CTĐT	79.49	4.05
3	Về đội ngũ giảng viên	84.25	4.11
4	Về cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ dạy và học	50.92	3.43
5	Về thư viện phục vụ dạy và học	74.36	4
6	Về công tác tổ chức đào tạo	71.79	3.89
7	Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (ĐBCL)	80.59	4.07

8	Về công tác nghiên cứu khoa học (NCKH)	76.56	3.95
9	Về công tác sinh viên	72.53	3.85
10	Về công tác Đoàn – Hội	61.17	3.69
11	Về công tác chăm sóc y tế và chăm sóc sức khỏe tinh thần	71.43	3.95
12	Về hoạt động hỗ trợ cấp khoa	70.33	3.85
13	Về kiến thức chuyên môn được nhà trường đào tạo	81.32	4.12
14	Về các kỹ năng được nhà trường đào tạo	75.46	4.01
15	Về các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	65.93	3.78

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên năm cuối có mức độ hài lòng cao đối với các nội dung cốt lõi trong hoạt động đào tạo của Khoa. Cụ thể, các nội dung như “Đội ngũ giảng viên” (84,25%; 4.11 điểm), “Kiến thức chuyên môn được nhà trường đào tạo” (81,32%; 4.12 điểm) và “CĐR của CTĐT” (79,49%; 4.05 điểm) đều đạt tỉ lệ hài lòng cao và điểm trung bình trên 4.0, phản ánh sự tín nhiệm của sinh viên đối với chất lượng giảng dạy và nội dung CTĐT.

Các nội dung liên quan đến công tác hỗ trợ học tập và sinh hoạt của sinh viên như “Thư viện”, “Nghiên cứu khoa học”, “Công tác sinh viên”, “Công tác chăm sóc sức khỏe tinh thần” đều đạt mức hài lòng từ khá trở lên, với tỉ lệ hài lòng dao động từ 71,43% đến 76,56% và điểm trung bình xấp xỉ 4,0/5. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy Khoa đã có sự đầu tư tương đối đồng bộ vào các hoạt động hỗ trợ học tập và đời sống tinh thần cho sinh viên.

Tuy nhiên, một số nội dung vẫn ghi nhận mức độ hài lòng thấp hơn. Đáng chú ý nhất là “Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học” với tỉ lệ hài lòng chỉ đạt 50,92% và điểm trung bình 3.43/5 – thấp nhất trong tất cả các nội dung khảo sát. Ngoài ra, “Công tác Đoàn – Hội” (61,17%; 3.69/5 điểm) và “Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ” (65,93%; 3.78/5 điểm) cũng là những nội dung có kết quả đánh giá chưa cao, cho thấy còn khoảng trống trong việc phát triển kỹ năng mềm và tổ chức hoạt động đoàn thể hiệu quả.

Tổng thể, sinh viên năm cuối đánh giá tích cực đối với CTĐT và đội ngũ giảng viên, đồng thời ghi nhận sự hỗ trợ của Khoa trong nhiều khía cạnh học tập và sinh hoạt. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa mức độ hài lòng, Khoa cần ưu tiên cải thiện cơ sở vật chất, tăng cường đào tạo kỹ năng ngoại ngữ và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ sinh viên một cách thiết thực và hiệu quả hơn.

e) Đánh giá độ hài lòng của SV về môn học và giảng viên giảng dạy môn học

- HK2/2023-2024:

TT	Nội dung khảo sát	Sinh học		CNSH		Sinh học CLC)		CNSH CLC)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	89.73	4.50	90.20	4.51	90.13	4.49	90.67	4.44
2	Về môn học thực hành	92.49	4.57	89.98	4.51	92.66	4.57	87.61	4.39
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	89.56	4.51	89.17	4.49	90.70	4.52	89.98	4.46
4	Về GV dạy môn học thực hành	91.71	4.57	89.19	4.50	93.22	4.56	88.33	4.43
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	88.18	4.46	87.43	4.45	89.70	4.48	89.80	4.41
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	90.24	4.52	88.21	4.48	90.40	4.54	87.61	4.38

- HK3/2023-2024:

TT	Nội dung khảo sát	Sinh học (CLC)		CNSH (CLC)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	84.58	4.38	87.60	4.43
2	Về môn học thực hành	85	4.34	90	4.50
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	84.23	4.36	87.83	4.45
4	Về GV dạy môn học thực hành	85.60	4.35	90.86	4.51
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	84.40	4.36	88.75	4.46
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	84.77	4.33	91.88	4.52

HK1/2024-2025:

TT	Nội dung khảo sát	Sinh học		CNSH		Sinh học (CLC)		CNSH (CLC)	
		Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB	Tỉ lệ (%)	TB
1	Về môn học lý thuyết	91.47	4.53	91.44	4.53	90.47	4.52	90.89	4.55
2	Về môn học thực hành	90.9	4.53	90.97	4.52	88.73	4.42	91.05	4.54
3	Về GV dạy môn học lý thuyết	91.13	4.53	91.46	4.53	88.00	4.44	90.26	4.51
4	Về GV dạy môn học thực hành	91.02	4.52	90.97	4.53	90.14	4.42	91.58	4.5
5	Về khả năng đạt CĐR của môn học LT	88.9	4.46	88.3	4.45	87.33	4.41	89.36	4.48
6	Về khả năng đạt CĐR của môn học TH	88.77	4.47	88.67	4.45	92.96	4.46	88.42	4.45

3. Tổng hợp kết quả khảo sát và nhận định:

a) Điểm mạnh:

- Một trong những điểm mạnh quan trọng nhất của Khoa Sinh học – Công nghệ Sinh học là đội ngũ giảng viên có chuyên môn vững vàng, phương pháp giảng dạy hiệu quả và thái độ tận tâm với người học.
- Bên cạnh đó, CTĐT hiện hành được đánh giá là đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu về kiến thức chuyên môn. Không chỉ đánh giá cao kiến thức nền, các đơn vị tuyển dụng còn ghi nhận sinh viên của Khoa có khả năng thích ứng tốt với công việc, thể hiện tinh thần trách nhiệm và thái độ cầu tiến.
- Ngoài ra, công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng là một lĩnh vực được tổ chức bài bản và nhận được sự đánh giá rất tích cực từ đội ngũ giảng viên. Điều này cho thấy quy trình đánh giá kết quả học tập và giám sát chất lượng đào tạo của Khoa đang phát huy hiệu quả, góp phần bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong học thuật.
- Hoạt động tổ chức đào tạo cũng là các điểm sáng trong hoạt động chuyên môn của Khoa.

b) Điểm cần cải thiện:

- Một trong những vấn đề nổi bật được phản ánh qua nhiều nhóm khảo sát là điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập hiện vẫn còn nhiều hạn chế. Cụ thể, tỉ lệ hài lòng của giảng viên đối với cơ sở vật chất chỉ đạt 40,98%, trong khi tỉ lệ này ở sinh viên năm cuối là 50,92% và ở cựu sinh viên ngành Công nghệ Sinh học là 45%. Mức độ hài lòng thấp thể

hiện rõ qua cả tỉ lệ phần trăm và điểm trung bình, cho thấy cần có kế hoạch đầu tư cải thiện hạ tầng phòng học, phòng thí nghiệm và thiết bị thực hành nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo hiện đại.

- Bên cạnh đó, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của sinh viên được đánh giá là chưa đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng mạnh mẽ. Doanh nghiệp đối tác chỉ đánh giá mức hài lòng ở mức 66,67%, trong khi cựu sinh viên ngành Công nghệ Sinh học phản ánh tỉ lệ hài lòng còn thấp hơn (58%). Những con số này cho thấy cần có giải pháp cụ thể để tích hợp nội dung đào tạo kỹ năng CNTT vào chương trình học, đồng thời tạo điều kiện thực hành ứng dụng qua các dự án hoặc môn học kỹ năng.
- Tương tự, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ – đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành – vẫn là điểm yếu phổ biến của sinh viên, theo phản ánh từ cựu sinh viên và sinh viên năm cuối. Tỉ lệ hài lòng của cựu sinh viên ngành Sinh học và Công nghệ Sinh học chỉ đạt lần lượt 43,67% và 35,5%, trong khi sinh viên năm cuối cũng chỉ đạt 65,93%. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường các hoạt động rèn luyện ngoại ngữ gắn với chuyên môn, đồng thời thiết kế các học phần học thuật sử dụng tiếng Anh để nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.
- Một khía cạnh khác cần được chú trọng là hiệu quả của các hoạt động Đoàn – Hội và kết nối cộng đồng. Theo khảo sát, sinh viên năm cuối chỉ đánh giá mức hài lòng 61,17% đối với hoạt động Đoàn – Hội, trong khi giảng viên đánh giá công tác phục vụ cộng đồng ở mức 60,66%. Điều này cho thấy cần có sự đổi mới trong cách tổ chức và nội dung hoạt động, hướng đến việc phát huy vai trò của sinh viên trong các dự án thực tiễn, đồng thời khuyến khích sự tham gia tích cực và sáng tạo từ cả hai phía: người học và nhà trường.
- Cuối cùng, mức độ tương thích giữa CTĐT và yêu cầu công việc thực tế sau khi tốt nghiệp vẫn còn khoảng cách nhất định. Chỉ 53,21% cựu sinh viên ngành Công nghệ Sinh học cho rằng chuyên môn được đào tạo phù hợp với công việc hiện tại. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tăng cường các học phần thực hành, dự án ứng dụng và kết nối với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, nhằm nâng cao tính thực tiễn và khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

II. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

1. Kế hoạch đã và đang triển khai

- Rà soát CDR của CTĐT để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu xã hội và thị trường lao động.
- Tăng cường năng lực giảng dạy và cập nhật CTĐT.
- Tăng cường các môn học có sử dụng giáo trình hoặc tài liệu tiếng Anh.
- Mua sắm trang thiết bị mới phục vụ các học phần thực hành chuyên sâu.
- Có kế hoạch bảo trì định kỳ trang thiết bị dùng chung của Khoa.
- Xây dựng phòng thí nghiệm trung tâm (Core Lab), cải tạo phòng học, phòng thí nghiệm theo hướng hiện đại hóa và đảm bảo an toàn sinh học.

- Triển khai các chương trình thực tập liên kết với doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ.
- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng (hướng nghiệp, STEM cho học sinh phổ thông, bảo tồn đa dạng sinh học,...).
- Thành lập tổ cải tiến chất lượng của Khoa để tổng hợp, phân tích phản hồi và đề xuất điều chỉnh kịp thời.

2. Kế hoạch dự kiến thực hiện

- Phát triển học phần mới theo định hướng ứng dụng thực tiễn
- Thiết lập hệ thống đánh giá kỹ năng mềm và hỗ trợ phát triển cá nhân
- Đổi mới hoạt động Đoàn – Hội gắn với chuyên môn
- Thiết lập cơ chế lấy ý kiến phản hồi định kỳ từ các bên liên quan.

III. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Nhà trường:

- Tăng cường đầu tư cải thiện cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, đặc biệt là phòng thí nghiệm.
- Bổ sung ngân sách hỗ trợ các CTĐT kỹ năng mềm, bao gồm kỹ năng CNTT, kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng nghề nghiệp ứng dụng.
- Mở rộng các chương trình liên kết đào tạo và thực tập với doanh nghiệp, tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận thực tiễn và nâng cao năng lực nghề nghiệp.
- Cải thiện chính sách thu thập và phản hồi ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Nên có thêm những câu trả lời ngăn đối với những vấn đề chưa hài lòng.

2. Đối với Khoa:

- Rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng cường thực hành, ứng dụng và gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp.
- Tăng cường tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên, đặc biệt là kỹ năng CNTT, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
- Đẩy mạnh các học phần tích hợp tiếng Anh chuyên ngành và khuyến khích giảng viên sử dụng tài liệu tiếng Anh trong giảng dạy.
- Phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động để xây dựng chương trình thực tập, kiến tập hiệu quả và sát với nhu cầu tuyển dụng.
- Đổi mới hình thức hoạt động Đoàn – Hội và phục vụ cộng đồng, gắn kết chặt chẽ hơn với chuyên môn nhằm phát triển toàn diện cho sinh viên.